

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện
tham dự kỳ xét tuyển viên chức năm 2024**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-SYT ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Sở Y tế Bến Tre về việc công nhận Quy chế tổ chức và hoạt động Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 2096/KH-BVNĐC ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu về việc xét tuyển viên chức năm 2024;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu năm 2024 về việc thông qua Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia dự thi Vòng 2 (Vòng phỏng vấn);

Theo đề nghị của Hội đồng xét tuyển viên chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ xét tuyển viên chức năm 2024 (đính kèm danh sách).

Điều 2. Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu năm 2024 và các thí sinh đăng ký dự tuyển theo Điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các thành viên HĐQT;
- Ban Giám sát;
- Ban Đề thi, Ban Sát hạch (t/h);
- Phòng TCCB (thông báo đến các thí sinh);
- Lưu: VT, TCCB, KL.

GIÁM ĐỐC

Trình Minh Hiệp



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA DỰ THI VÒNG 2 (VÒNG PHÒNG VẤN) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 3709/QĐ-BVNĐC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đổi tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1. Vị trí: Bác sĩ y khoa; số người đủ điều kiện dự tuyển: 66; số lượng cần tuyển: 111.												
1	NGUYỄN THIÊN HỒNG ÂN	11/07/1998	Nữ	57 đường CN11, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Bác sĩ y khoa	002655/HCM-GPHN	Bậc 4			ĐẠT	
2	NGUYỄN HỒNG ÂN	10/01/1998	Nữ	Ấp Long Quới, xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000386/BTR-GPHN	Bậc 3			ĐẠT	
3	NGUYỄN GIA BẢO	20/08/1996	Nam	98A8 khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006348/BTR-CCHN	ĐẠT	Siêu âm thực hành		ĐẠT	
4	TÔ HỒNG CẨM	26/09/1995	Nữ	19A14 khu phố Bình Khôi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006402/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
5	KIM LINH CHI	28/01/1996	Nữ	293D Bình Lợi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ Y khoa	0006376/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
6	PHẠM THỊ CHUNG	16/10/1998	Nữ	379/PTHO ấp Phước Thới, xã Phước Ngãi, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000112/BTR-GPHN	Bậc 4	Tin học cơ bản		ĐẠT	
7	HUỲNH QUỐC CƯỜNG	29/10/1997	Nam	341A, đường Trương Định, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000376/BTR-GPHN	ĐẠT	Kỹ năng đọc điện tâm đồ		ĐẠT	
8	VĂN NGUYỄN HẠNH ĐAN	07/10/1990	Nữ	104Đ Võ Văn Khánh, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Sau đại học	Thạc sĩ y học nội khoa	0005012/BTR-CCHN	B	Siêu âm tim		ĐẠT	
9	VÕ TÂN ĐẠT	25/02/1994	Nam	78 khu phố 1, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ Y khoa	000344/BTR-GPHN	B	Tin học ứng dụng		ĐẠT	
10	PHẠM TRẦN THÀNH ĐẠT	11/12/1996	Nam	196/49E đường Tôn Thất Thuyết, phường 3, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006548/BTR-CCHN	ĐẠT	Bồi dưỡng chuyên môn sau đại học GMHS; Tin học cơ bản		ĐẠT	
11	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	25/07/1998	Nữ	368/AH, ấp An Hòa, xã An Phú Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	002614/HCM-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12	LƯƠNG THỦY DƯƠNG	26/02/1995	Nữ	16/69A đường Nguyễn Thiện Thuật, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Bác sĩ y khoa	055786/HCM-CCHN	Bậc 4	Kiến thức và thực hành cơ sở chuyên khoa đa liễu		ĐẠT	
13	PHAN THÀNH DUY	11/09/1996	Nam	172/TK ấp Tân Khai, xã Tân Hưng, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006442/BTR-CCHN	Bậc 4	Siêu âm bụng tổng quát; Siêu âm mạch máu.		ĐẠT	
14	TRỊNH ĐÌNH DUY	17/09/1995	Nam	376F khu phố 2, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006520/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
15	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	04/03/1996	Nữ	225 ấp Phước Lễ, xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000203/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
16	TRẦN QUỲNH DUYÊN	22/11/1994	Nữ	Ấp Phú Quới, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0005605/BTR-CCHN	Bậc 5	Tin học cơ bản; Kiến thức và thực hành cơ bản chuyên khoa đa liễu.		ĐẠT	
17	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	30/10/1993	Nữ	Ấp 3, xã Thuận Điện, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000148/BTR-GPHN	B	Tin học B		ĐẠT	
18	NGUYỄN NGỌC HIẾU	10/01/1997	Nam	86F ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000048/BTR-GPHN	ĐẠT			ĐẠT	
19	NGUYỄN TRỌNG HỮU	13/04/1992	Nam	148/34 Bình Tây, xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Sau đại học	Bác sĩ Chuyên khoa I Ngoại Thần kinh và Sọ não	0005088/BTR-CCHN	B			ĐẠT	
20	NGUYỄN THANH HUY	08/12/1995	Nam	33A khu phố 6, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000773/BTR-CCHN	B	Thực hành Sản phụ khoa 18 tháng; Phẫu thuật nội soi phụ khoa cơ bản; Kỹ thuật siêu âm bơm nước buồng tử cung. Bồi dưỡng kiến thức gây mê hồi sức cơ bản Siêu âm thực hành Sản phụ khoa		ĐẠT	
21	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	03/03/1995	Nữ	Ấp Tân Thiện, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006098/BTR-CCHN	Bậc 4			ĐẠT	
22	TRẦN QUANG HY	25/08/1996	Nam	15/3 ấp khu phố, xã Đại Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006374/BTR-CCHN	ĐẠT	Tin học cơ bản; Chăm sóc điều trị thiết yếu sơ sinh.		ĐẠT	
23	THÁI TRƯỜNG KHANH	29/12/1994	Nam	447/VĐĐ Vĩnh Đức Đông, xã Vĩnh Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0005737/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
24	TRẦN THỊ VÂN KHÁNH	27/09/1994	Nữ	99A11 khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006539/BTR-CCHN	ĐẠT	Kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuyên khoa mắt.		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
25	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	29/11/1997	Nam	178/3 Thạnh Phước, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000021/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
26	NGUYỄN MINH LỘC	18/01/1996	Nam	229 tổ 10, ấp Minh Nghĩa, xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ Y khoa	0006792/BTR-CCHN	B1			ĐẠT	
27	NGUYỄN THÀNH LỢI	15/05/1995	Nam	19A10 khu phố Bình Khởi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006192/BTR-CCNH	TOEIC 505	Tin học cơ bản; Phẫu thuật nội soi ổ bụng; Siêu âm tổng quát.		ĐẠT	
28	LÊ VĂN LỘNG	19/08/1996	Nam	211 ấp An Lộc, xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000001/BTR-GPHN	Bậc 3			ĐẠT	
29	LÊ HOÀNG LUÂN	23/11/1993	Nam	245 ấp Hòa Hưng, xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Sau đại học	CKI chuyên ngành Nhi khoa	0005621/BTR-CCHN	ĐẠT	Tin học cơ bản		ĐẠT	
30	NGUYỄN DUY MINH	27/02/1995	Nam	221 đường Đoàn Thị Nghiệp, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Đại học	Bác sĩ Y khoa	046101/BYT-CCHN	B	HSCC; Đọc điện tim; Điều trị và dự phòng TBMMN.		ĐẠT	
31	NGUYỄN LÊ NHẬT MINH	19/04/1995	Nam	192/31 ấp Vĩnh Bắc, xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006509/BTR-CCHN	Bậc 3			ĐẠT	
32	LÊ HOÀI NAM	18/06/1997	Nam	Ấp Bình Thạnh 2, xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006686/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản; Hồi sức cấp cứu; Điều trị thay thế thận liên tục và thay huyết tương dành cho Bác sĩ.		ĐẠT	
33	TRẦN THỊ THU NGÂN	24/12/1995	Nữ	19A10 khu phố Bình Khởi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006213/BTR-CCHN	TOEIC490	Tin học cơ bản		ĐẠT	
34	NGUYỄN ĐÌNH NGHỊ	10/02/1995	Nam	19A14 khu phố Bình Khởi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006352/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
35	PHAN ĐÌNH HỮU NGHĨA	26/01/1994	Nam	276/64 ấp Nhơn Phú, xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0005654/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
36	DƯƠNG THÁI NGUYỄN	29/09/1994	Nam	104B Đoàn Hoàng Minh, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006398/BTR-CCHN	B1			ĐẠT	
37	LƯU THANH NHÂN	15/02/1995	Nữ	33A khu phố 6, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006334/BTR-CCHN	B	Thực hành Sản phụ khoa 18 tháng; Thực hành soi cổ tử cung cơ bản; Cấy và rút que Implanon NTX. Phá thai Nội khoa; Siêu âm thực hành Sản phụ khoa; Kỹ thuật siêu âm bơm nước buồng tử cung.		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
38	PHAN HOÀNG NHI	01/05/1995	Nam	36 ấp Định Nhơn, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ Y khoa	0006636/BTR-CCHN	ĐẠT	Siêu âm tổng quát thực hành; Tin học cơ bản.		ĐẠT	
39	NGUYỄN HỒ THẢO NHI	15/11/1997	Nữ	30D hẻm Quyết Tâm, đường Đoàn Hoàng Minh, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000002/BTR-GPHN	C	Tin học cơ bản		ĐẠT	
40	NGUYỄN KHẮC SINH NHỰT	04/10/1996	Nam	199A ấp Chợ, xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000204/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản; Đào tạo sĩ quan dự bị Bác sĩ Quân y.		ĐẠT	
41	LƯU HỒNG PHÚC	17/12/1994	Nam	Ấp Rạch Gừa, xã Phú Long, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006184/BTR-CCHN	B2			ĐẠT	
42	LÊ NHẬT QUANG	19/09/1996	Nam	293D đường Đoàn Hoàng Minh, khu phố Bình Lợi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000083/ST-GPHN	C	Tin học cơ bản		ĐẠT	
43	TRẦN VINH QUANG	12/11/1998	Nam	287 Quốc lộ 60, Phú Hưng 1, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đại học	Bác sĩ y khoa	000189/TV-GPHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
44	BÙI ĐỨC TÀI	15/02/1984	Nam	Ấp VH Lộc Sơn, xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0002308/BTR-CCHN	ĐẠT	Bồi dưỡng chuyên khoa CDHA siêu âm tim, siêu âm mạch máu.		ĐẠT	
45	PHAN PHẠM QUỐC THÁI	28/06/1996	Nam	khu phố 4, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006409/BTR-CCHN	B1			ĐẠT	
46	TỔNG THANH THANH	21/03/1997	Nữ	Ấp Phú Mỹ, xã Phú Vang, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006799/BTR-GPHN	B1	Bồi dưỡng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh siêu âm tim, siêu âm mạch máu.		ĐẠT	
47	NGUYỄN TÂN THÀNH	18/03/1997	Nam	Tổ 4 khu phố Hòa Lập, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006765/BTR-CCHN	Bậc 3	Bồi dưỡng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh siêu âm tim, siêu âm mạch máu.		ĐẠT	
48	HÀ THỊ THANH THẢO	08/10/1994	Nữ	Ấp Chợ Xếp, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006217/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
49	TRƯƠNG VĂN THẢO	30/12/1998	Nam	Tổ 13A, ấp An Thiện, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000097/BTR-GPHN	Bậc 4			ĐẠT	
50	NGUYỄN XUÂN THIÊN	18/12/1997	Nam	36 ấp Thới Hòa, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Sau đại học	CKI chuyên ngành Chẩn thương chỉnh hình	0004521/BTR-CCHN	B	Tin học ứng dụng		ĐẠT	
51	NGUYỄN THỊ ANH THU'	02/07/1997	Nữ	20 Hưng An A, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000322/BTR-GPHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
52	NGUYỄN THOẠI ANH THU	20/12/1997	Nữ	461C6 khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000134/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học B		ĐẠT	
53	NGUYỄN THỊ KIỀU TIỀN	23/11/1998	Nữ	167/AL, ấp An Lợi, xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000195/BTR-GPHN	Bậc 3			ĐẠT	
54	PHẠM TRÍ TÍN	01/10/1994	Nam	299B AH ấp An Hội, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0005688/BTR-CCHN	C	Nội soi, nội soi can thiệp tiết niệu		ĐẠT	
55	NGUYỄN VI HOÀNG TÍN	11/09/1994	Nam	264C1 đường Hoàng Lam, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0005664/BTR-CCHN	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
56	TRẦN LƯU HUỲNH TRANG	21/10/1994	Nữ	264C1 đường Hoàng Lam, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006307/BTR-CCHN	B1			ĐẠT	
57	NGUYỄN VĂN TRẠNG	06/02/1998	Nam	394/3 ấp 3, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000096/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
58	HUỲNH MINH TRÍ	15/12/1993	Nam	160/1 Nguyễn Ngọc Nhựt, khu phố 1, phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006095/BTR-CCHN	CN ngôn ngữ Anh	Kỹ thuật đặt máy tạo nhịp tim vĩnh viễn; Siêu âm tim và bệnh lý tim mạch khóa 2.		ĐẠT	
59	NGUYỄN ĐOÀN MINH TRÍ	01/01/1998	Nam	144B5 đường Nguyễn Văn Tư, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000141/BTR-GPHN	Bậc 3	Tin học cơ bản; Bồi dưỡng chuyên khoa Tai mũi họng; Nội soi chẩn đoán và phẫu thuật nội soi TMH.		ĐẠT	
60	NGUYỄN THANH TRÚC	02/01/1995	Nữ	293D khu phố Bình Khởi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006432/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
61	PHAN MINH TRUNG	11/09/1995	Nam	140A2, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006146/BTR-CCHN	TOEIC 475			ĐẠT	
62	TRẦN QUANG TRUNG	19/03/1998	Nam	301B/4 đường Nguyễn Văn tư, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000189/BTR-GPHN	Bậc 4	Tin học cơ bản		ĐẠT	
63	TRẦN CÔNG NAM TRUNG	11/06/1983	Nam	113C, khu phố 2, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006228/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
64	UÔNG THỊ THANH TUYỀN	15/01/1997	Nữ	Áp Bình Thạnh 3, xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000172/BTR-CCHN	Bậc 4			ĐẠT	
65	LÊ HOÀNG VIỆT	22/01/1995	Nam	014/GA, Giồng Ao, xã An Hiệp, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	000091/BTR-GPHN	ĐẠT	Chuyên khoa Nhân khoa		ĐẠT	
66	NGUYỄN NHUY THANH VY	24/11/1997	Nữ	243E2 khu phố Mỹ Tân, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ y khoa	0006677/BTR-CCHN	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2. Vị trí: Bác sĩ Răng Hàm Mặt; số người đủ điều kiện dự tuyển: 01; số lượng cần tuyển: 01.												
1	VÕ THỊ TƯỜNG VI	20/05/1993	Nữ	173C ấp 2B, xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	0006697/BTR-CCHN	Bác 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
3. Vị trí: Bác sĩ y học cổ truyền; số người đủ điều kiện dự tuyển: 03; số lượng cần tuyển: 01.												
1	PHAN THỊ PHƯƠNG CHI	26/05/1993	Nữ	Ấp Thanh Xuân 2, xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	045051/HCM-CCHN	Bác 3	Phục hồi chức năng		ĐẠT	
2	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN	22/08/1996	Nữ	331/TT ấp Tân Thị, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	0006431/BTR-CCHN	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
3	LÊ THỊ KIM THƯƠNG	30/10/1994	Nữ	118 ấp Tân Phú Đông A, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	056503/HCM-CCHN	HSK cấp độ 3 (Tiếng Trung)	Phục hồi chức năng		ĐẠT	
4. Vị trí: Bác sĩ y học dự phòng; số người đủ điều kiện dự tuyển: 02; số lượng cần tuyển: 02.												
1	LÊ THỊ HỒNG HƯƠNG	29/12/1993	Nữ	8/1 An Bình xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ YHDP	0005773/BTR-CCHN	B	Bồi dưỡng CDNN BS Y học dự phòng		ĐẠT	
2	NGUYỄN TRẦN LUẬN	18/10/1997	Nam	105D Đoàn Hoàng Minh, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Bác sĩ YHDP	0006700/BTR-CCHN	B	Bồi dưỡng CDNN BS Y học dự phòng		ĐẠT	
5. Vị trí: Cử nhân Điều dưỡng; số người đủ điều kiện dự tuyển: 12; số lượng cần tuyển: 12.												
1	HUỲNH NGỌC BÍCH	20/07/1993	Nữ	45a6 khu phố Bình Khởi, phường 6, thành phố Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	0002895/BTR-CCHN	B	An toàn chuyển viện		ĐẠT	
2	DANH DĨ	05/02/2000	Nam	Tổ 11 khu phố Minh Lạc, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	000372/BTR-GPHN	ĐẠT			ĐẠT	
3	BÙI THỊ THÚY DUY	22/02/2001	Nữ	Ấp Thanh An, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	000015/BTR-GPHN	ĐẠT			ĐẠT	
4	NGUYỄN PHI HÙNG	29/09/1996	Nam	Ấp 2, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	000056/BTR-GPHN	B			ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	NGUYỄN ĐÀO TUẤN KIẾT	05/05/2000	Nam	93/4 khu phố 3, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	000121/BTR-GPHN	B1			ĐẠT	
6	NGUYỄN THỊ DUY LINH	06/10/1996	Nữ	Ấp Tân Thanh, xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	0006698/BTR-CCHN	B			ĐẠT	
7	HUỶNH KIM NGÂN	01/01/1991	Nữ	Ấp Bình Thới, xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	003449/CT-GPHN	B			ĐẠT	
8	TỪ PHẠM SONG NGÂN	29/09/1999	Nữ	Ấp Đông Thạnh, xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	0006703/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	
9	NGUYỄN MINH QUỐC	15/08/1992	Nam	Ấp Kinh Gãy, xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	000314/BTR-GPHN	B		Quản nhân xuất ngũ	ĐẠT	
10	TRẦN THỊ MINH THU	02/05/2001	Nữ	123B đường Trương Định, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	000286/BTR-GPHN	ĐẠT			ĐẠT	
11	NGUYỄN DƯƠNG CÔNG THỤY	15/04/1979	Nữ	549 ấp Tân Thượng, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	0020416/HCM-CCHN	ĐẠT	ĐD dụng cụ nội soi phế quản; Hướng dẫn xử lý dụng cụ nội soi chẩn đoán; KSNK trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. An toàn tiêm chủng		ĐẠT	
12	HUỶNH HỮU VINH	07/12/1997	Nam	112 ấp Tân Thông 4, xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cử nhân	Điều dưỡng	0006691/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	

6. Vị trí: Điều dưỡng Cao đẳng; số người đủ điều kiện dự tuyển: 57; số lượng cần tuyển: 139.

1	NGUYỄN THỊ THÚY AN	31/07/1996	Nữ	Ấp Tân Hòa B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006699/BTR-CCHN				ĐẠT	
2	VÕ TRƯỜNG AN	03/06/1999	Nam	444 ấp Bình Tiên, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006480/BTR-CCHN				ĐẠT	
3	PHẠM THỊ NGỌC CHÂU	29/03/2001	Nữ	Ấp An Hòa, xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006811/BTR-CCHN				ĐẠT	
4	NGUYỄN THƯƠNG CHỊ	29/07/2001	Nữ	Ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000245/BTR-GPHN				ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	NGUYỄN THỊ KIM CHUNG	06/06/1986	Nữ	Ấp Tân Đức B, xã Tân Thành Bình, huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000193/BTR-GPHN				ĐẠT	
6	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG DUNG	17/02/2001	Nữ	22 ấp Phú Hòa, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006770/BTR-CCHN				ĐẠT	
7	NGUYỄN DƯƠNG	20/01/2001	Nam	559 ấp Bình Tiên 2, xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000238/BTR-GPHN		ĐD chuyên ngành GMHS		ĐẠT	
8	HỒ THỊ MỸ DUYÊN	12/05/1998	Nữ	440/PL ấp Phú Lợi, xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006261/BTR-GPHN				ĐẠT	
9	LÊ THỊ THANH HÂN	05/05/2001	Nữ	062TQ xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006779/BTR-CCHN				ĐẠT	
10	TRẦN QUANG KHA	19/07/1994	Nam	663 ấp An Thuận, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000094/BTR-GPHN				ĐẠT	
11	TRẦN THỊ MỘNG KHA	06/09/2000	Nữ	633 ấp An Thuận, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006502/BTR-GPHN				ĐẠT	
12	LÊ DUY KHÁNH	17/11/1995	Nam	354 ấp Long Thuận, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	001828/HCM-CCHN				ĐẠT	
13	NGUYỄN THỊ KIM KIỀU	15/10/1999	Nữ	Ấp Tân Bình, xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006771/BTR-CCHN				ĐẠT	
14	NGUYỄN THỊ TRÚC LAN	02/08/1985	Nữ	Ấp Tân Thiện, xã Tân Thành Bình, huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0001254/BTR-CCHN				ĐẠT	
15	DƯƠNG THỊ MUỘI	10/08/1991	Nữ	48/1 Giao Hòa A, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0003596/BTR-CCHN				ĐẠT	
16	VÕ THỊ KIM NGÂN	27/12/2000	Nữ	731 ấp Bình Đông, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0004147/BTR-GPHN				ĐẠT	
17	DƯƠNG THỊ MỘNG NGHI	03/11/1995	Nữ	Ấp Ông Côm, xã Thạnh Ngãi, huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006783/BTR-GPHN				ĐẠT	
18	NGUYỄN TRƯƠNG BẢO NGHI	23/09/2001	Nữ	29/1 khu phố 2, thị trấn Mô Cày, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000376/BTR-GPHN				ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
19	TRƯƠNG THỊ KIM NGỌC	30/11/1990	Nữ	258E khu phố Tiên Tây Thượng, thị trấn Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006327/BTR-GPHN				ĐẠT	
20	TRẦN SĨ NGỰ	14/09/2000	Nam	190/38 ấp Thanh Trung, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006327/BTR-CCHN				ĐẠT	
21	BÙI THỊ TỎ NGUYỄN	12/07/1992	Nữ	144 ấp An Thuận, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000158/BTR-GPHN				ĐẠT	
22	TRẦN ĐỨC NHÂN	07/02/1993	Nam	Áp Cầu Hòa, xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006728/BTR-GPHN				ĐẠT	
23	CHÂU THỊ HUỲNH NHƯ	27/11/1994	Nữ	77/2 Nguyễn Huệ, khu phố 2, phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	005208/TG-CCHN				ĐẠT	
24	PHẠM CẨM NHUNG	20/09/1989	Nữ	670 ấp Phong Phú, xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006702/BTR-GPHN				ĐẠT	
25	DƯƠNG MỸ PHÚC	02/02/1993	Nữ	148/89 ấp Phụng Châu, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0004873/BTR-CCHN				ĐẠT	
26	NGUYỄN THỊ BÍCH PHỤNG	01/11/1995	Nữ	350 ấp Định Lễ, xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0004773/BTR-CCHN				ĐẠT	
27	LƯU THỊ TRÚC PHƯƠNG	17/11/1993	Nữ	Áp Thanh Hải, xã Thanh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0004494/BTR-CCHN				ĐẠT	
28	HỒ THỊ MỸ PHƯỢNG	21/09/2001	Nữ	Khu chung cư 7, ấp Hữu Thành, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000026/BTR-GPHN				ĐẠT	
29	HỒ THÁI QUÝ	02/10/1996	Nam	109/AQ ấp An Quới, xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006582/BTR-CCHN				ĐẠT	
30	NGUYỄN HỒ THẢO QUYÊN	19/08/2002	Nữ	Áp Thanh Tân, xã Định thủy, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000300/BTR-GPHN				ĐẠT	
31	NGUYỄN VĂN TÀI	08/03/2002	Nam	Áp Giồng Nâu, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000297/BTR-GPHN				ĐẠT	
32	HUỲNH LÊ KIM TÂM	22/04/2000	Nữ	71/66 ấp Định Bình, xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006481/BTR-CCHN				ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
33	NGUYỄN THỊ KIM THẨM	03/04/2001	Nữ	112A ấp Phước Thạnh 2, xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000120/BTR-GPHN				ĐẠT	
34	LÊ ĐẶNG KIM THANH	04/03/2000	Nữ	86 ấp Song Ngoại, xã Lương Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006513/BTR-CCHN				ĐẠT	
35	NGUYỄN THỊ NGỌC THANH	01/10/2001	Nữ	Ấp Tiên Đông Thượng, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006764/BTR-CCHN				ĐẠT	
36	HUỲNH THANH THẢO	20/07/1990	Nữ	40 tổ 16 ấp Hưng Long, xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	050475/HCM-CCHN				ĐẠT	
37	NGUYỄN THỊ MAI THẢO	11/06/2001	Nữ	172/MQ ấp Mỹ Quý, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000298/BTR-GPHN				ĐẠT	
38	NGUYỄN THỊ BÉ THI	30/09/1992	Nữ	Ấp Hồ Sen, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006805/BTR-CCHN				ĐẠT	
39	TÔ THỊ CÀ THO	01/04/1997	Nữ	88A1 khu phố Bình Khởi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	048011/HCM-CCHN		Quy trình chăm sóc chuyên biệt người bệnh đột quỵ não; Hồi sinh tim phổi và cấp cứu đột quỵ ngoài BV.		ĐẠT	
40	BÙI THỊ KIM THOA	29/10/1999	Nữ	369 ấp Quý Điền, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006482/BTR-CCHN				ĐẠT	
41	HUỲNH THỊ KIM THOA	15/04/1979	Nữ	355D2, khu phố Mỹ Tân, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	001258/BTR-CCHN				ĐẠT	
42	VÕ MINH THUẬN	26/11/1996	Nữ	752 ấp 6, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006562/BTR-CCHN				ĐẠT	
43	HUỲNH THỊ HOÀI THƯƠNG	05/06/2002	Nữ	470 ấp Tiên Đông, xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000317/BTR-GPHN				ĐẠT	
44	NGUYỄN THỊ TÌNH	20/10/2001	Nữ	275/HB, xã Mỹ Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000125/BTR-GPHN				ĐẠT	
45	NGUYỄN BÍCH TRÂM	21/06/2002	Nữ	Ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000326/BTR-GPHN				ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
46	LÊ THỊ NGỌC TRÂM	05/05/1993	Nữ	525 tổ 3, ấp Thới Hòa, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0004760/BTR-CCHN				ĐẠT	
47	LÊ THỊ NGỌC TRÂN	25/06/2002	Nữ	716 ấp Tân Thị, xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000292/BTR-GPHN				ĐẠT	
48	HUỖNH THỊ ĐOAN TRANG	08/04/1998	Nữ	Ấp Phú Đăng, xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	051444/HCM-CCHN				ĐẠT	
49	NGUYỄN NGỌC CẨM TÚ	12/03/2001	Nữ	197/XM ấp Xóm Mới, xã Mỹ Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006760/BTR-CCHN				ĐẠT	
50	ĐÀO THỊ CẨM TÚ	04/05/1995	Nữ	788 ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006595/BTR-CCHN				ĐẠT	
51	HUỖNH THỊ CẨM TÚ	11/06/1999	Nữ	8N91 ấp Bình Phú, xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006556/BTR-CCHN				ĐẠT	
52	PHẠM CẨM TÚ	29/06/2002	Nữ	483 ấp Bình Đông A, xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000299/BTR-GPHN				ĐẠT	
53	TRẦN THỊ MINH TÚ	10/06/1999	Nữ	18/AH xã An Hiệp, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006298/BTR-CCHN				ĐẠT	
54	HUỖNH THỊ THANH UYÊN	11/08/2002	Nữ	Ấp Tân Long 2, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000301/BTR-GPHN				ĐẠT	
55	PHẠM VĂN VŨ	20/08/2000	Nam	Ấp Thanh Bình 1, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006572/BTR-CCHN				ĐẠT	
56	TẠ VY	11/07/2002	Nữ	17/1 ấp Thạnh Khương B, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	000379/BTR-GPHN				ĐẠT	
57	MAI THỊ HỒNG YẾN	15/12/1993	Nữ	Ấp Tân An, xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điều dưỡng	0006597/BTR-CCHN				ĐẠT	
7. Vị trí: Điều dưỡng Gây mê Hồi sức; số người đủ điều kiện dự tuyển: 02; số lượng cần tuyển: 04.												
1	VÕ HOÀNG PHÚC	19/02/2000	Nam	204H ấp Bình Thạnh, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	0006567/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	LÊ PHƯƠNG NHƯ'T VY	28/03/2000	Nữ	605B6 khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	0006577/BTR-CCHN	ĐẠT			ĐẠT	

8. Vị trí: Cử nhân Hình ảnh Y học; số người đủ điều kiện dự tuyển: 04; số lượng cần tuyển: 09

1	TRẦN ĐOÀN TRÚC GIANG	04/10/1999	Nam	76, ấp Bình Phú, xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	0006662/BTR-CCHN; 2513/ĐHYDCT-2022	B2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
2	HỒ ĐÌNH KHÔI	17/06/1999	Nam	211, ấp Tân Phước, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	0006690/BTR-CCHN; 2521/ĐHYDCT-2022	ĐẠT	Tin học cơ bản		ĐẠT	
3	NGUYỄN THÀNH NHÂN	19/03/2001	Nam	Đường 30/4, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	000233/TV-GPHN	B2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
4	NGUYỄN THỊ NHƯ' Ý	20/01/2001	Nữ	Ấp Tân Điền, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	000233/BTR-GPHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	

9. Vị trí: Cử nhân xét nghiệm; số người đủ điều kiện dự tuyển: 22; số lượng cần tuyển: 11.

1	NGUYỄN XUÂN AN	08/02/1994	Nam	209A, khu phố 3, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006525/BTR-CCHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
2	NGUYỄN VĂN HẢI ĐĂNG	13/07/2001	Nam	154C, đường Hùng Vương, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000240/VL-GPHN	B1			ĐẠT	
3	VÕ THỊ HỒNG DIỄM	02/01/1997	Nữ	266B, ấp Bình Thạnh, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006534/BTR-CCHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
4	PHẠM LÊ THÙY DƯƠNG	29/12/1995	Nữ	79, ấp 7, xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006244/BTR-CCHN	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
5	PHẠM THỊ MỘNG DUYÊN	01/11/2000	Nữ	Ấp Phú Tân, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006762/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
6	BÙI THỊ NGỌC HÂN	14/09/2000	Nữ	Ấp Giồng Xép, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cây Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006679/BTR-CCHN	B2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
7	NGUYỄN THỊ THÚY HOA	30/10/1997	Nữ	514, ấp Lương Thuận, xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006252/BTR-CCHN	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG	28/07/1995	Nữ	224A1, khu phố 3, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000304/BTR-GPHN	B	Tin học B		ĐẠT	
9	LÊ MINH KHOA	08/01/1999	Nam	262/4, đường Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	056852/HCM-CCHN	B1	Tin học cơ bản, nội kiểm tra chất lượng xét nghiệm, an toàn sinh học trong P.XN		ĐẠT	
10	PHẠM THỊ THÙY LINH	15/05/1999	Nữ	98/190/3, khu phố 7, đường Tân Kế, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006483/BTR-CCHN	B	Tin học nâng cao		ĐẠT	
11	LÊ TÂN LỘC	20/03/2001	Nam	188, ấp Phú Thứ Ngoài, xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000279/BTR-GPHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
12	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	04/04/2001	Nữ	01F, ấp Mỹ Đức, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000276/BTR-GPHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
13	LÊ THỊ HỒNG NGUYỄN	04/02/1998	Nữ	191, ấp Ao Vương, xã Phú Long, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	007665/CT-CCHN	B/B1	Tin học nâng cao; An toàn sinh học P.XN; Nội kiểm tra chất lượng XN.		ĐẠT	
14	NGÔ THỊ THẢO NHƯ	18/08/2000	Nữ	Ấp Mỹ Thạnh, xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0006711/BTR-CCHN	B2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
15	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	28/10/2001	Nữ	542/22, ấp Long Hòa, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000305/BTR-GPHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
16	NGUYỄN NGUYỆT QUÊ	01/01/2001	Nữ	114B, ấp Hòa Hưng Thạnh, xã Giao Long, huyện Long Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000287/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
17	HỒ TÂN TÀI	12/06/2000	Nam	Ấp Leng, xã Tân Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	005452/TV-CCHN	B1			ĐẠT	
18	NGUYỄN THỊ KIM THOA	03/04/2001	Nữ	Ấp Tân Điền, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000320/BTR-GPHN	B1	Tin học nâng cao		ĐẠT	
19	NGÔ GIA THƯ	22/07/2001	Nữ	294/3 ấp Hòa Bình, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000374/ĐT-GPHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
20	LÊ THỊ QUÊ TRẦN	01/05/2000	Nữ	xã Thạnh Phong, huyện Thạnh phú, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000006/BTR-GPHN	Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
21	ĐỖ CAO QUANG TRƯỜNG	27/02/1999	Nam	49B1, ấp Mỹ An B, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000046/BTR-GPHN	ĐẠT	Tin học cơ bản		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
22	HỒ THỊ HỒNG YẾN	21/09/2001	Nữ	Ấp Đức Mỹ A, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000226/TV-GPHN	B1	Tin học CB-nâng cao		ĐẠT	
10. Vị trí: Cao đẳng Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng; số người đủ điều kiện dự tuyển: 04; số lượng cần tuyển: 04.												
1	LÊ MINH TRÍ	23/10/1994	Nam	62/626, khu phố 6, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	000076/BTR-GPHN	B			ĐẠT	
2	LÊ XUÂN TRIỀU	07/01/1990	Nam	310E, khu phố Mỹ Tân, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	000078/BTR-GPHN	B			ĐẠT	
3	PHAN THỊ THANH TRÚC	24/01/1995	Nữ	331, ấp Phú Tân, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	000076/BTR-GPHN	B			ĐẠT	
4	LÊ NHỰT TÙNG	23/01/1994	Nam	khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	000075/BTR-GPHN	B			ĐẠT	
11. Vị trí: Cao đẳng Hộ sinh; số người đủ điều kiện dự tuyển: 03; số lượng cần tuyển: 07.												
1	NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH	07/09/1993	Nữ	255/45 ấp Gia Phước, ấp Hưng Khánh Trung A, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Hộ sinh	0005897/BTR-CCHN				ĐẠT	
2	VÕ MINH THẢO	26/11/1996	Nữ	752 ấp 6, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Hộ sinh	0004713/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
3	PHAN THÚY TIỀN	18/10/1998	Nữ	Ấp Giồng Kiến, xã Phú Long, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Hộ sinh	0005996/BTR-CCHN	B1	Tin học cơ bản		ĐẠT	
12. Vị trí: Dược sĩ Đại học; số người đủ điều kiện dự tuyển: 18; số lượng cần tuyển: 08.												
1	NGUYỄN THỊ LOAN ANH	30/08/1995	Nữ	230/1F, ấp An Thạnh A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Sau đại học	Dược sĩ	5960/CCHN-D-SYT-BD	Bậc 4	Tin học cơ bản		ĐẠT	
2	NGUYỄN NGỌC CHƠN	01/02/1994	Nam	137 khu phố Phước Trung, thị trấn Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược học	16123/CCHN-D-SYT-BTR	ĐẠT	BD theo tiêu chuẩn CDNN Dược		ĐẠT	
3	QUÁCH NGỌC DUNG	22/07/1995	Nữ	228 ấp Long Hòa, xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược sĩ	13192/CCHN-D-SYT-HCM	A2 (CEFR cấp)	Tin học cơ bản		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	TRẦN NHẬT DUY	13/09/1996	Nam	144/2 khu phố 2, phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược học	11624/CCHN-D-SYT-BTR	C		HTNV tham gia CAND	ĐẠT	
5	HUỲNH THỊ MỸ DUYÊN	09/05/1996	Nữ	Ấp Thanh Trung, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược học	04122/CCHN-D-SYT-BTR	CN ngôn ngữ Anh	Tin học B		ĐẠT	
6	NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	27/07/1986	Nữ	465C đường 7, khu phố 3, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược học	12876/CCHN-D-SYT-HCM	Bậc 3			ĐẠT	
7	VƯƠNG THỊ KIM HUYỀN	26/02/1996	Nữ	16F ấp 2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược học	1677/CCHN-D-SYT-TG	Bậc 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
8	NGUYỄN VÕ MINH KHÁNH	08/10/1999	Nam	79A/3 ấp 3, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược sĩ	19924/CCDN-D-SYT-BTR	B			ĐẠT	
9	NGUYỄN THỊ TRÚC MI	10/05/1987	Nữ	62D ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược sĩ	03523/CCHN-D-SYT-BTR	B			ĐẠT	
10	LÊ DƯƠNG THỊ MỸ NGÂN	02/11/1995	Nữ	Ấp Tân Lợi, xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược sĩ	12423/CCHN-D-SYT-BTR	ĐẠT	An toàn tiêm chủng; Thực hành tốt bảo quản vaccin; Quản lý dược Dược lâm sàng.		ĐẠT	
11	LÊ THỊ ÁNH NGỌC	15/10/1988	Nữ	G5 khu phố 6, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược học	1968/ĐT-CCHND	B			ĐẠT	
12	LÊ THANH PHƯỚC	11/08/1993	Nam	Ấp Chợ Cũ, xã Thạnh Ngải, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược sĩ	5107/CCHN-D-SYT-HCM	C			ĐẠT	
13	HỒ TRÚC QUYÊN	17/06/1996	Nữ	109/118 khu phố 1, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược sĩ	9666/CCHN-D-SYT-HCM	C	Tin học cơ bản		ĐẠT	
14	LÊ QUANG KHOA THI	21/01/1990	Nữ	223 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Đại học	Dược sĩ	4170/CCHN-D-SYT-HCM	B	Tin học B		ĐẠT	
15	LÊ THỊ THANH THÚY	19/06/1991	Nữ	103 ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược sĩ	1231/CCHN-D-SYT-HAUG	B	Tin học B		ĐẠT	
16	LÊ THỊ THÚY TIỀN	15/04/1987	Nữ	138/29 đường Nguyễn Trãi, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Dược sĩ	00816/BTR-CCHND	ĐẠT	Quản lý dược dược lâm sàng		ĐẠT	
17	THÁI HOÀNG TÚ	05/05/1987	Nam	69B đường Nguyễn Huệ, khu phố 4, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược	13224/CCHN-D-SYT-BTR	ĐẠT			ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đổi tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
18	PHAN ANH TÚ	01/01/1996	Nữ	138C đường Nguyễn Văn Tư, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược sĩ	35522/CCHN-D-SYT-BTR	C	Tin học cơ bản		ĐẠT	
13. Vị trí: Dược sĩ Cao đẳng; số người đủ điều kiện dự tuyển: 19; số lượng cần tuyển: 12.												
1	LÊ THUẬN AN	08/05/1994	Nam	253/1/C khu phố 3, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	04323/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
2	LÊ TRƯỜNG AN	04/02/1993	Nam	Ấp Phước Điền, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược học	17724/CCHN-D-SYT-BTR			HTNV tham gia CAND	ĐẠT	
3	ĐỖ THỊ HỒNG ÂN	15/05/1993	Nữ	26D ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Dược học	14823/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
4	LÊ HOÀNG ĐẠT	17/03/1997	Nam	Ấp Hưng Bình, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	17924/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học B		ĐẠT	
5	MAI THỊ NGỌC DIỄM	10/02/2000	Nữ	Ấp Hòa Thuận II, xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược học	00324/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
6	PHAN THỊ THÙY DƯƠNG	03/03/1993	Nữ	268A1, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	18824/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
7	HUỶNH THỊ THÙY DƯƠNG	15/11/1996	Nữ	Đường Trương Định, tổ 16, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	300/CCHN-D-SYT-TV				ĐẠT	
8	PHẠM KHẮC DUY	20/10/1999	Nam	Tổ 18 khu 4 ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Cao đẳng	Dược học	2526/CCHN-D-SYT-TG		Tin học văn phòng		ĐẠT	
9	LÊ THỊ THÚY HOA	01/09/1993	Nữ	590 xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	00323/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học B		ĐẠT	
10	TẠ THỤY THÙY HƯƠNG	27/01/1997	Nữ	142 ấp An Hòa, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược học	1373/CCHN-D-SYT-TG				ĐẠT	
11	PHẠM THỊ NGỌC HƯƠNG	22/05/1985	Nữ	118A18 khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	16424/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
12	TRỊNH LÊ THẢO LINH	27/02/1999	Nữ	195 ấp Giồng Chùa, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	11323/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đổi tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	THÁI THỊ BẢO QUYÊN	15/12/1999	Nữ	143 tổ 6, Định Nhơn, xã Định Thủy, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	003088/CCHN-D-SYT-AG				ĐẠT	
14	LÊ MINH SANG	06/10/2001	Nam	Ấp Thuận Điền, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	17624/CCHN-D-SYT-BTR				ĐẠT	
15	NGUYỄN THỊ YẾN THANH	25/01/1998	Nữ	194 Ô1 khu phố 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	Cao đẳng	Dược	2629/CCHN-D-SYT-TG				ĐẠT	
16	TRẦN THỊ THÚY TIỀN	25/06/1997	Nữ	350 ấp 3, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược học	09422/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
17	ĐOÀN THỊ THÚY TIỀN	06/08/1997	Nữ	415/4D ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	34122/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
18	NGUYỄN NGỌC TRÂN	06/06/1998	Nữ	547/2, xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược học	20021/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
19	NGUYỄN THỊ THU TRÚC	29/06/2000	Nữ	124/5 ấp Quý Thuận A, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Dược	17524/CCHN-D-SYT-BTR	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	
14. Vị trí: Kỹ sư dinh dưỡng; số người đủ điều kiện dự tuyển: 03; số lượng cần tuyển: 01.												
1	NGUYỄN THỊ HOÀNG CHÂU	28/01/2000	Nữ	38D tổ 6, ấp 3, xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm		ĐẠT			ĐẠT	
2	NGUYỄN THỊ TRANG THI	13/08/1997	Nữ	624a, ấp Nhơn Nghĩa, xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm		ĐẠT			ĐẠT	
3	TRƯƠNG THỊ KIM THOA	20/06/1996	Nữ	Ấp Thạnh Quý, xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm		ĐẠT	Tin học A; Kỹ năng thực hành nghề Chế biến và bảo quản thủy sản.		ĐẠT	
15. Vị trí: Cử nhân Công nghệ Thông tin; số người đủ điều kiện dự tuyển: 10; số lượng cần tuyển: 02.												
1	VÕ VĂN ALEL	04/08/1990	Nam	88A/1 tổ 4, ấp Phước Tân, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		ĐẠT			ĐẠT	
2	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG ANH	17/12/1997	Nam	Tổ 11, ấp Bình Hòa B, xã Bình Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		B			ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	NGUYỄN MINH CHIẾN	28/09/1995	Nam	78, tổ 4, ấp Tân Hòa, xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Khoa học máy tính	3104/TBDCB	ĐẠT			ĐẠT	
4	ĐÀO MINH HUÂN	10/03/2000	Nam	230A2, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư An toàn thông tin		B1	Kỹ năng Tư duy sáng tạo và quản lý thời gian		ĐẠT	
5	BÙI ĐỨC HUY	18/12/1996	Nam	100C, khu phố 2, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		ĐẠT			ĐẠT	
6	LƯƠNG KIM NGUYỄN	21/07/1995	Nữ	Số 72, ấp Tân Phú Tây B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		ĐẠT	Tin học cơ bản; Kỹ năng thực hành nghề.		ĐẠT	
7	NGUYỄN VĂN HOÀNG PHÚC	04/11/1996	Nam	299A1, ấp Bình Thạnh, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		ĐẠT			ĐẠT	
8	ĐÀO THỊ HỒNG THÚY	22/06/1993	Nữ	355/1 ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Cử nhân Công nghệ thông tin		B			ĐẠT	
9	NGUYỄN HỮU TRÍ	04/02/1993	Nam	5/4, đường Nguyễn Ngọc Ba, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thông tin		ĐẠT			ĐẠT	
10	ĐINH THỊ PHƯƠNG TRINH	21/06/1981	Nữ	Ấp An Thạnh, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Cử nhân Công nghệ thông tin		B			ĐẠT	

16. Vị trí: Cao đẳng Công nghệ Thông tin; số người đủ điều kiện dự tuyển: 02; số lượng cần tuyển: 01.

1	HUỶNH VĂN DŨNG	02/11/1990	Nam	Ấp Thanh Điền, xã Hưng Khánh Trung A, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Tin học		B			ĐẠT	
2	PHAN HUỶNH TÂN	13/10/1999	Nam	Ấp Thành Hóa 2, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Công nghệ thông tin					ĐẠT	

17. Vị trí: Kỹ sư Bảo hộ lao động; số người đủ điều kiện dự tuyển: 01; số lượng cần tuyển: 01.

1	LÊ BÁCH	17/10/1993	Nam	322C, khu phố 2, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Bảo hộ lao động		B2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
---	---------	------------	-----	--	---------	-----------------------	--	----	----------------	--	-----	--

18. Vị trí: Kỹ thuật viên điện; số người đủ điều kiện dự tuyển: 02; số lượng cần tuyển: 01.

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	TRẦN VĂN THÀNH	20/08/1983	Nam	117, ấp Hưng Long, xã Hòa Lộc, huyện Mô Cây Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kỹ sư Điện công nghiệp			Trung cấp Điện công nghiệp; Nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ CĐ.		ĐẠT	
2	BÙI QUỐC TRUNG	16/04/2003	Nam	xã Bình Khánh, huyện Mô Cây Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Điện công nghiệp			Tin học cơ bản - nâng cao; Giáo dục Quốc phòng, An Ninh.		ĐẠT	

19. Vị trí: Kế toán đại học; số người đủ điều kiện dự tuyển: 26; số lượng cần tuyển: 11.

1	NGÔ THỊ THÚY AN	10/10/1998	Nữ	384B1, khu phố 2, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán	126879 ĐTBĐ/HVTC	TOEIC 505	Office Excel, Word 2010		ĐẠT	
2	ĐẶNG THỊ NGỌC CHÂU	10/09/1989	Nữ	47, ấp Ông Thung, xã Thạnh Ngải, huyện Mô Cây Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Tài chính Ngân hàng	117279 ĐTBĐ/HVTC	B			ĐẠT	
3	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	19/11/1991	Nữ	602C, đường Nguyễn Văn Trung, khu phố 1, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Tài chính Ngân hàng		B	Tin học B		ĐẠT	
4	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	31/10/1990	Nữ	327, ấp Bến Đò, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán	111322 ĐTBĐ/HVTC	B2			ĐẠT	
5	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN	22/01/2002	Nữ	70A, ấp Hòa Long, xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B1	Tin học cơ bản- nâng cao		ĐẠT	
6	CHÂU THỊ MỸ LINH	15/05/1991	Nữ	194/1, ấp Mỹ An C, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		C	Tin học B		ĐẠT	
7	CAO THỊ LY	09/05/1990	Nữ	Áp Thanh Sơn 1, xã Tân Thành Bình, huyện Mô Cây Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B	Tin học B; KT doanh nghiệp và khai báo thuế; Bằng Dược sĩ Cao đẳng.		ĐẠT	
8	NGUYỄN VŨ THÚY MAI	15/08/1991	Nữ	597D, khu phố 3, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Tài chính Ngân hàng	118445 ĐTBĐ/HVTC	B	Tin học B		ĐẠT	
9	NGUYỄN TẤN MINH	13/09/1983	Nam	57Đ, tổ 28, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B1	Tin học A		ĐẠT	
10	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	04/04/1993	Nữ	238 ấp Long Thuận, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B	Tin học B		ĐẠT	
11	TRẦN THỊ KIM NGÂN	09/10/1994	Nữ	80/12/219, đường Dương Quảng Hàm, phường 5, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Kế toán		B	Tin học B, Bằng Cao đẳng Kế toán		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12	NGUYỄN KIM NGÂN	21/04/1984	Nữ	70, đường Công Lý, khu phố 2, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B	Tin học B		ĐẠT	
13	TRẦN THỊ KIM NGÂN	20/05/1996	Nữ	25, ấp Đông Ngô, xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B	Tin học cơ bản; Bằng Cử nhân ngành Thông tin học		ĐẠT	
14	PHẠM HIẾU NGHĨA	04/05/2002	Nam	238A/2, ấp 2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B2	Phần mềm kế toán MISA		ĐẠT	
15	TRẦN THỊ THANH NHÂN	06/09/1992	Nữ	298/9C, khu phố 3, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Đại học	Tài chính Ngân hàng		B	Tin học B		ĐẠT	
16	NGUYỄN KHIẾT NHƯ	20/03/1997	Nữ	Áp Xóm Cối, xã Thanh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B1 (Hutech)	Tin học ứng dụng; Kỹ năng thuyết trình và tìm việc; Kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian; Chương trình đào tạo đầu thâu cơ bản.		ĐẠT	
17	NGUYỄN HOÀNG PHƯỚC	09/07/1991	Nam	9/9, đường Ngô Quyền, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán	06/QĐ-BDCB	B	Tin học B		ĐẠT	
18	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	11/10/1999	Nữ	438C9, đường Nguyễn Huệ, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán	323 /QĐ-BDCB	B1 (Hutech)	Tin học nâng cao; Thực hành kỹ năng kiểm toán.		ĐẠT	
19	HUỲNH VỎ MINH PHƯƠNG	25/11/1997	Nữ	25/5C ấp Mỹ An C, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán	111366 ĐTBĐ/HVTC	ĐẠT			ĐẠT	
20	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	26/07/1993	Nữ	236 ấp Phú Chánh, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Tài chính Ngân hàng	126933 ĐTBĐ/HVTC	B	Tin học B		ĐẠT	
21	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	15/10/1993	Nữ	166D, khu phố 3, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B	Tin học B; Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.		ĐẠT	
22	NGUYỄN THỊ THIẾT	15/07/1990	Nữ	Áp Hữu Thành, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán	338/QĐ-BDCB	B	Tin học B		ĐẠT	
23	BÙI THỊ CẨM THU	20/04/1992	Nữ	122A5, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán	118466 ĐTBĐ/HVTC	B1	Tin học B		ĐẠT	
24	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	31/08/1987	Nữ	209C, khu phố 3, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán	323 /QĐ-BDCB	B	Tin học B		ĐẠT	
25	ĐẶNG THỊ QUYÊN TRANG	19/09/2001	Nữ	185, Ấp Bình Hiệp, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	Đại học	Kế toán		ĐẠT			ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
26	PHẠM HUỲNH HUỆ TRINH	27/04/1989	Nữ	65 khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Kế toán		B	Tin học B		ĐẠT	

20. Vị trí: Kế toán Cao đẳng; số người đủ điều kiện dự tuyển: 07; số lượng cần tuyển: 04.

1	VÕ THỊ CẢNH	21/11/1986	Nữ	622, ấp Bình Tiên, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kế toán		A	Tin học A		ĐẠT	
2	NGUYỄN ĐÌNH CẢNH	23/07/1993	Nam	148a1, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kế toán		B	Tin học A		ĐẠT	
3	ĐẶNG THỊ NGỌC HUỲÊN	04/01/1998	Nữ	78B, khu phố 2, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kế toán		Cao đẳng Tiếng Anh	Tin học cơ bản		ĐẠT	
4	NGUYỄN THỊ MỘNG THƯƠNG	10/12/1990	Nữ	156 ấp Phú Trạch 1, xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kế toán	117346 ĐTBĐ/HVTC	B	Tin học A		ĐẠT	
5	HỒ THUY THỦY TRANG	23/07/2003	Nữ	Ấp Bình Hòa, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kế toán		A2	Tin học cơ bản		ĐẠT	
6	BÙI THỊ MỸ TRINH	19/07/1993	Nữ	Ấp An Hòa, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kế toán	118475 ĐTBĐ/HVTC	B			ĐẠT	
7	HUỲNH THẢO UYÊN	24/02/1998	Nữ	56C khu phố 3, đường Nguyễn Văn Tư, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Kế toán	118477 ĐTBĐ/HVTC	B	Tin học cơ bản		ĐẠT	

21. Vị trí: Chuyên viên; số người đủ điều kiện dự tuyển: 08; số lượng cần tuyển: 02.

1	HỒ THỊ MỸ DUYÊN	04/10/2002	Nữ	430/PTHO, xã Phước Ngãi, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Đại học	Quản lý nhà nước		ĐẠT	Tin học cơ bản		ĐẠT	
2	PHẠM VĂN HẬU	23/07/2002	Nam	234 ấp Phú Tân, xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Quản lý nhà nước		B2			ĐẠT	
3	NGUYỄN NHẬT LINH	14/02/2002	Nam	410B/42, đường Hậu Giang, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Quản lý nhà nước		Bậc: 3	Tin học cơ bản		ĐẠT	
4	VÕ THỊ YẾN PHƯƠNG	01/08/1991	Nữ	97 ấp An Lợi, xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Đại học	Quản trị kinh doanh		B	Tin học B		ĐẠT	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng					Đối tượng ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chứng chỉ hành nghề/Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Ngoại ngữ	Chứng chỉ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	CHÂU NGỌC TRUNG	07/09/1983	Nam	452C ấp 3 xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Cử nhân Kinh tế		B			ĐẠT	
6	PHAN NGUYỄN CẨM TÚ	30/11/1989	Nữ	290A/1 ấp Phước Hậu, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đại học	Quản trị kinh doanh		B	Tin học B		ĐẠT	
7	NGUYỄN THANH VY	28/08/1996	Nữ	213A, khu phố Bình Khởi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Sau đại học	Quản trị kinh doanh		Bậc: 3 (Hutech)		Con thương binh 4/4(35%)	ĐẠT	
8	PHAN ANH XUÂN	05/03/2000	Nam	565 ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Đại học	Quản trị kinh doanh		TOEIC515	Tin học cơ bản		ĐẠT	
22. Vị trí: Cử nhân Y tế công cộng; số người đủ điều kiện dự tuyển: 02; số lượng cần tuyển: 01.												
1	NGUYỄN HỮU TRỌNG NHÂN	28/06/1992	Nam	25A, đường Nguyễn Văn Tạo, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An	Đại học	Y tế công cộng	23.RY6829	B	Tin học A		ĐẠT	
2	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	31/10/1994	Nữ	07C, ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học	Y tế công cộng		B	Tin học ứng dụng		ĐẠT	
TC	274	274	274	274	274	274	229	200	141	4	274	0

TỔNG CỘNG: 274 THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN